

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3154/QĐ-BTC ngày 10/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4512/TTr-STC ngày 24/10/2025.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.

**Điều 2.** Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành **trước ngày 05/11/2025**.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài Chính;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, HCC<sub>Hàng</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số                   /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| STT | Tên TTHC                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện                        | Phí, lệ phí | Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.009642)                                                       | 17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã | Không       | Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. |
| 2   | Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.009644)                                    | 17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã | Không       | Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. |
| 3   | Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.009659)                                 | 17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã | Không       | Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. |
| 4   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (1.009664)                 | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã | Không       | Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. |
| 5   | Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (1.009729) | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã | Không       | Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. |

**B. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC THAY THẾ**

| STT | Tên TTHC được thay thế                                                                                                                                                                | Tên TTHC thay thế                                                                                          | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý quy định nội dung thay thế                                                                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.009645)                                                                                                    | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.009645)              | 17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.                                                                                                                                                                                                       | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã | Không       | Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 |
| 2.  | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf (1.009742)                                                                |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                           |             |                                                                                                                       |
| 3.  | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (1.009646)                                                                            | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (1.009646) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các trường hợp a1, a2, a3, a4, a5, a6 và a7: 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với các trường hợp a8: 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ<sup>1</sup>.</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã | Không       | Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 |
| 4.  | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.009649)   |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                           |             |                                                                                                                       |
| 5.  | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản đảm bảo đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.009650) |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                           |             |                                                                                                                       |
| 6.  | Thủ tục điều chỉnh dự án trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư                                                                                                           |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                           |             |                                                                                                                       |

<sup>1</sup> Áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh sau: a1) Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (áp dụng chung); a2) Điều chỉnh trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; a3) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; a4) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; a5) điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; a6) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; a7) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; a8) Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP);

| STT | Tên TTHC được thay thế                                                                                                                                                                                                     | Tên TTHC thay thế                                                | Thời gian giải quyết                                           | Địa điểm thực hiện                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý quy định nội dung thay thế                |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|
|     | đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.009652)                                                                                                                                                     |                                                                  |                                                                |                                           |             |                                                          |
| 7.  | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.009653)                               |                                                                  |                                                                |                                           |             |                                                          |
| 8.  | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.009654) |                                                                  |                                                                |                                           |             |                                                          |
| 9.  | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.009655)       |                                                                  |                                                                |                                           |             |                                                          |
| 10. | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) (1.009656)          |                                                                  |                                                                |                                           |             |                                                          |
| 11. | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương                                                                           | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng | - Trường hợp tại mục a1: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã | Không       | - Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ |

| STT | Tên TTHC được thay thế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tên TTHC thay thế                                                                                         | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý quy định nội dung thay thế                      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------|----------------------------------------------------------------|
|     | đầu tư của UBND cấp tỉnh (1.009647)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện) (1.009647) | hồ sơ hợp lệ.<br>- Trường hợp tại mục a2: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br>- Trường hợp tại mục a3: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ <sup>2</sup> . |                    |             | sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 |
| 12. | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) (1.009657) |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                             |                    |             |                                                                |

<sup>2</sup> a1) Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc điều chỉnh tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm 1b Điều 27 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; a2) Trường hợp nội dung điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc trường hợp tại mục a1 nêu trên; a3) Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP);